

Chủ thể, phương thức và phương tiện kiểm soát xã hội đối với tội phạm

Trịnh Tiến Việt*

*Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội,
144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 15 tháng 12 năm 2013

Chỉnh sửa ngày 2 tháng 2 năm 2014; Chấp nhận đăng ngày 17 tháng 3 năm 2014

Tóm tắt: Kiểm soát xã hội đối với tội phạm là một nội dung nghiên cứu phức tạp của Tội phạm học và là hướng nghiên cứu mới của Tội phạm học Việt Nam. Kiểm soát xã hội đối với tội phạm suy cho cùng cũng chính là để phòng ngừa tội phạm đạt hiệu quả cao. Bài viết tập trung làm sáng tỏ chủ thể, phương thức và phương tiện kiểm soát xã hội đối với tội phạm trên cơ sở lý thuyết kiểm soát xã hội đối với tội phạm.

Từ khóa: Kiểm soát xã hội đối với tội phạm; Chủ thể kiểm soát; Phương thức kiểm soát; Phương tiện kiểm soát.

1. Nhập môn - Những khái niệm cơ bản

Ở Việt Nam trong vài năm trở lại đây, trên các diễn đàn khoa học, các nhà Luật học, đặc biệt là các nhà Tội phạm học và Hình sự học bắt đầu tiếp cận vấn đề “*Kiểm soát xã hội đối với tội phạm*”¹. Trong khi đó, nội dung của nó đã và đang được nghiên cứu tương đối rộng và

sâu trong các sách báo pháp lý nước ngoài². Bởi lẽ, yêu cầu kiểm soát xã hội đối với tội phạm được xem như là sự nỗ lực trong việc tìm hiểu, nghiên cứu về các hiện tượng lệch chuẩn, vi phạm đạo đức, vi phạm pháp luật đến tội phạm của các nhà hoạch định chính sách,

*ĐT: 84-4-3757512

E-mail: viet180411@gmail.com

¹ Ví dụ: GS. TSKH. Đào Trí Úc, Vấn đề kiểm soát tội phạm, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 6/1999; PGS. TS. Lê Thị Sơn, Về khái niệm kiểm soát xã hội và kiểm soát tội phạm, Tạp chí Luật học, số 8/2012; TS. Trịnh Tiến Việt, Khái niệm và các tiêu chí đánh giá hiệu quả kiểm soát xã hội đối với tội phạm, Tạp chí Kiểm sát, số 15(8)/2002; TS. Trịnh Tiến Việt, Những vấn đề lý luận cơ bản về kiểm soát xã hội đối với tội phạm, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 19(10) và 20(10)/2013; PGS. TS. Dương Tuyết Miên, Tội phạm học đương đại, Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội, 2013; v.v...

² Ví dụ: Travis Hirschi, Causes of Delinquency, Copyright 1969 by The Regents of the University of California, 1969; Frederick Elmore Lumley, Means of social control, published in 1925 by The Century, New York, USA; Luther Lee Bernard, Social control in its sociological aspect, published in December, 1939 by The Macmillan Company; T.A. Imobighe (Editor), Theory of crime and crime control, Published by National Open University of Nigeria, 2010 (Unit 4 - Levels of crime control); Kimball Young, Social psychology: An analysis of social behavior, 1930, Alfred A.Knopf Publisher, New York; Robert B Cialdini, Descriptive social norms as underappreciated source of social control, Psychometrika (the official journal of the Psychometric Society), Vol. 72, No.2, June 2007; v.v...

đại biểu của dân, tất cả các cơ quan, tổ chức đến người dân trong xã hội với mục đích duy trì sự ổn định và trật tự xã hội, góp phần bảo vệ pháp chế và trật tự pháp luật, ngăn ngừa sự xâm phạm vào các lợi ích hợp pháp đã được Nhà nước xác lập và bảo vệ. Đặc biệt, nó còn có ý nghĩa tiết kiệm một khoản rất lớn về chi phí, tiền của cho Nhà nước, của xã hội trong việc điều tra, truy tố, xét xử người phạm tội, trong việc khắc phục hậu quả của tội phạm gây ra cho xã hội, trong công tác cải tạo, giáo dục và thi hành án đối với người phạm tội. Nói một cách khác, đặt ra vấn đề kiểm soát xã hội đối với tội phạm chính là “một yếu tố quan trọng nhất trên con đường hoàn thiện các quan hệ xã hội, bởi vì tội phạm - đó là một dạng trầm trọng nhất của hành vi chống đối xã hội, nó vi phạm không chỉ những chuẩn mực pháp luật, mà còn vi phạm các chuẩn mực đạo đức...” [1].

Do đó, chỉ trên cơ sở sự nỗ lực từ việc hoạch định chính sách, việc kiểm soát trong cơ quan, tổ chức, xã hội và trong gia đình, đến việc thực hiện tốt các chương trình điều trị phục hồi, quản lý, khắc phục những khiếm khuyết của cộng đồng, thực hiện nghiêm chỉnh mối quan hệ gia đình và tội phạm và với các thiết chế xã hội, hoàn thiện hệ thống pháp luật... để bảo đảm sự kiểm soát tội phạm trong xã hội. Bởi vì, suy cho cùng, kiểm soát xã hội đối với tội phạm tốt chính là phòng ngừa tội phạm đạt hiệu quả cao.

1.1. Kiểm soát xã hội

Trong bất kỳ xã hội nào, để tôn trọng và bảo vệ các lợi ích chung của Nhà nước, của cộng đồng, của xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân đòi hỏi mỗi cá nhân công dân phải tôn trọng trật tự xã hội.

Các cơ chế bảo đảm cho trật tự xã hội chính là những *thiết chế xã hội*. Những thiết

chế xã hội như: Gia đình, tôn giáo, chính trị, kinh tế, giáo dục... thông qua chức năng kiểm soát của mình các cá nhân phải tuân thủ theo chuẩn mực giá trị xã hội, các quy định hạn chế đối với hành vi. Đến lượt mình, thông qua chức năng kiểm soát xã hội, những thiết chế xã hội bảo đảm sự ổn định trong hiện tại, dự đoán trong tương lai và định hướng các hành vi cá nhân, bảo đảm quyền lợi cho mỗi người trong khi tuân thủ trật tự và các thiết chế xã hội, cũng như ngược lại, nếu như bất kỳ ai vi phạm nó sẽ làm giảm bớt sự ổn định và trật tự xã hội, đồng thời sẽ bị kiểm soát và ràng buộc tuân thủ bởi các thiết chế xã hội tương ứng.

Kiểm soát xã hội có mặt ở khắp mọi nơi trong đời sống văn hóa, xã hội và luôn tác động và ảnh hưởng đến sự lựa chọn hành vi hoặc xử sự của mỗi cá nhân và các nhóm. Đối với bất kỳ ai nếu có hành vi lệch lạc, khi có kiểm soát xã hội sẽ ngăn chặn các hành vi này, phê phán loại bỏ nó đưa những người có hành vi lệch lạc đó trở lại trật tự, khuôn phép đã có.

Về vấn đề này, trước đây và hiện nay các nhà Xã hội học đã tiếp bước không ngừng để làm phát triển lý thuyết xã hội học nói chung, vấn đề kiểm soát xã hội nói riêng (trong đó có nội dung kiểm soát xã hội đối với tội phạm) vì, Xã hội học là ngành khoa học *không chỉ có trách nhiệm tìm ra chân lý khách quan, phản ánh thực tế đời sống xã hội, mà còn thực hiện tốt chức năng thực tiễn* của nó - cung cấp những thông tin cần thiết cho việc giải quyết các vấn đề xã hội và phục vụ việc xây dựng, quản lý và duy trì trật tự xã hội, qua đó bảo đảm ổn định và bền vững các quan hệ xã hội.

Như vậy, khái niệm Kiểm soát xã hội đã được thống nhất trong các tài liệu nghiên cứu ([Http://en.wikipedia.org/wiki/Social_control_theory](http://en.wikipedia.org/wiki/Social_control_theory)) và được định nghĩa như sau: *Kiểm soát xã hội là sự bố trí những chuẩn mực, các giá trị cùng hệ thống cơ chế khuyến khích, động*

viên và chế tài để bảo đảm hay buộc các cá nhân thực hiện chúng.

1.2. Kiểm soát tội phạm

Tội phạm là một hiện tượng tiêu cực nhất trong xã hội.

Khái niệm tội phạm xuất hiện cùng với sự ra đời của Nhà nước và Pháp luật, cũng như khi xã hội phân chia thành giai cấp đối kháng. Để bảo vệ quyền lợi của giai cấp thống trị, Nhà nước đã quy định hành vi nào là tội phạm và áp dụng trách nhiệm hình sự hoặc hình phạt đối với người nào thực hiện các hành vi đó. Do đó, tội phạm lại mang bản chất là một hiện tượng pháp lý.

Là hiện tượng tiêu cực mang thuộc tính xã hội - pháp lý, tội phạm luôn chứa đựng trong nó đặc tính chống đối lại Nhà nước, chống đối lại xã hội, đi ngược lại lợi ích chung của cộng đồng, trật tự xã hội, xâm phạm đến quyền, tự do và các lợi ích hợp pháp của con người... Bởi nguyên lý sinh tồn tự nhiên là đối tượng bị tấn công, xâm hại phải có động thái phản vệ để tự bảo vệ mình nên Nhà nước và cộng đồng xã hội, dân cư tất yếu có những cơ chế, cách thức, biện pháp nhằm chống trả, phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, sự ra đời, tồn tại của Tội phạm gắn liền với Nhà nước và pháp luật nên trong xã hội có giai cấp nên còn Nhà nước và pháp luật, thì những nỗ lực của loài người chỉ có thể đạt đến mục tiêu kiểm soát tội phạm (*Crime Control*) chứ không thể xóa bỏ nó. Cho nên, để kiểm soát tội phạm, ngoài việc tập trung vào các biện pháp phòng ngừa xã hội còn phải sử dụng các hình phạt (chế tài) hình sự như là một phương tiện răn đe người phạm tội và tạm thời hoặc vĩnh viễn làm mất khả năng tái phạm của những người đã phạm tội, còn là việc làm rõ trách nhiệm hình sự của họ, làm rõ loại tội và đề xuất biện pháp phòng

ngừa... [2]. Do vậy, “nghiên cứu kiểm soát tội phạm không khi nào được tách rời kiểm soát xã hội nói chung và luôn vì mục đích kiểm soát xã hội trong trật tự và ổn định”[3].

“*Kiểm soát*”, theo Đại Từ điển Tiếng Việt định nghĩa là: “Kiểm tra, xem xét nhằm ngăn ngừa những sai phạm các quy định hoặc đặt trong phạm vi, quyền hành và trách nhiệm” [4]. Do đó, trong lĩnh vực khoa học chuyên ngành, thuật ngữ “*Kiểm soát tội phạm*” là khái niệm đề cập đến các phương pháp (cách thức) được thực hiện nhằm giảm bớt tội phạm trong xã hội. Như vậy, chúng tôi cho rằng, mặc dù có các quan điểm có nội hàm rộng hay hẹp khác nhau, song suy cho cùng, nội dung của kiểm soát tội phạm là *việc thực hiện tất cả các biện pháp (cách thức) nhằm giảm bớt tội phạm trong xã hội*. Những nỗ lực này phải được thực hiện bởi cả Nhà nước và các cộng đồng xã hội, dân cư. Điều đó tạo nên hai hình thức kiểm soát tội phạm khác nhau về chủ thể, biện pháp, phương thức kiểm soát đối với tội phạm và hai hình thức kiểm soát đó được gọi tên như sau:

a) *Kiểm soát Nhà nước đối với tội phạm* (hay kiểm soát chính thức, kiểm soát chuyên trách) là *hình thức kiểm soát tội phạm do các cơ quan chức năng và những người có thẩm quyền trong các cơ quan đó thực hiện trên cơ sở văn bản của Nhà nước quy định*. Các cơ quan ở đây bao gồm như: Cơ quan Công an, Viện kiểm sát, Tòa án, các cơ quan Thanh tra, Quản lý. Còn những người có thẩm quyền của các cơ quan này được thực hiện các biện pháp có tính chất cưỡng chế do pháp luật quy định để kiểm soát tội phạm trong các hoạt động nghiệp vụ như: Kiểm tra, giám sát, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; v.v... Chẳng hạn, nhiều quy định của Hiến pháp và pháp luật Việt Nam đã được cụ thể hóa, ví dụ: Điều 8 Hiến pháp Việt Nam năm 2013; Khoản 1 Điều 4 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi năm

2009; Điều 13 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003; Điều 14 Luật Công an nhân dân năm 2005; Điều 7 Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005, sửa đổi năm 2013; v.v...

b) *Kiểm soát xã hội đối với tội phạm* (hay kiểm soát không chính thức) là hình thức kiểm soát *thông qua các tổ chức, quan hệ xã hội* như: Cộng đồng dân cư, tổ chức xã hội, tôn giáo, tổ chức giáo dục, gia đình... và *bằng các giá trị xã hội* như: Phong tục, tập quán, truyền thống, tiêu chuẩn, niềm tin... Những cách thức, biện pháp kiểm soát xã hội không có tính cưỡng chế, không được quy định bởi Nhà nước, không thuộc chức năng chuyên môn của chủ thể thực hiện mà thông thường được thực hiện tự phát do sự vận động bên trong chính các tổ chức, quan hệ xã hội. Riêng về thuật ngữ “*Kiểm soát xã hội đối với tội phạm*” theo nghĩa này cũng cần được xem xét theo hai nghĩa rộng và hẹp trong mục 1.3. dưới đây.

1.3. Kiểm soát xã hội đối với tội phạm

Như đã nêu trên, việc nói đến hoạt động kiểm soát tội phạm thường được cho là sự đề cập đến các biện pháp, hoạt động của cơ quan Nhà nước nhằm làm giảm bớt tội phạm trong xã hội. Do đó, kiểm soát xã hội đối với tội phạm còn là vấn đề khá mới và chưa được định nghĩa rõ ràng. Vì thế, khái niệm kiểm soát xã hội đối với tội phạm có thể được xây dựng từ hai khái niệm - kiểm soát tội phạm (1) và kiểm soát xã hội (2). Ngoài ra, lý thuyết về kiểm soát xã hội (đối với tội phạm và vi phạm pháp luật) cho rằng các vi phạm pháp luật, việc phạm tội phát sinh do sự yếu kém, sụp đổ hay thiếu vắng của các liên kết xã hội hoặc các quá trình xã hội có tác dụng khuyến khích hành vi tuân thủ pháp luật. Những quan điểm đó đề cao việc xem xét các mối quan hệ, cam kết, giá trị, định mức và niềm tin như là những mục đích biện

minh cho việc tại sao người ta không vi phạm pháp luật, phạm tội đối sánh với những lý thuyết coi trọng động cơ thúc đẩy bên trong để giải thích nguyên nhân vi phạm pháp luật, phạm tội... [5]. Như vậy, *kiểm soát xã hội đối với tội phạm chính là việc khuyến khích tuân thủ pháp luật thông qua những mối quan hệ, liên kết xã hội và bằng những cam kết, giá trị, định mức xã hội và niềm tin liên quan đến chúng làm công cụ ngăn chặn việc thực hiện tội phạm của các thành viên trong liên kết*. Hiểu theo nghĩa hẹp với nội dung như thế này đang được nhiều sách báo về Tội phạm học nước ngoài đề cập.

Tóm lại, nếu như kiểm soát tội phạm là việc thực hiện những phương pháp khác nhau nhằm giảm bớt tội phạm trong xã hội, thì Kiểm soát xã hội đối với tội phạm chính là một trong các phương pháp đó. Như vậy, từ những phân tích ở trên, chúng tôi cho rằng thuật ngữ “*Kiểm soát xã hội đối với tội phạm*” ở nước ta cần được quan niệm theo hai nghĩa rộng và hẹp khác nhau.

a) Theo *nghĩa rộng*, nội hàm đã là “*kiểm soát xã hội*”, có nghĩa là có sự tham gia của toàn xã hội, bao gồm cả kiểm soát Nhà nước đối với tội phạm, vì quan niệm Nhà nước cũng là một thiết chế, một tổ chức đặc biệt của quyền lực chính trị, có bộ máy chuyên trách để cưỡng chế và quản lý xã hội nhằm thực hiện và bảo vệ trước hết lợi ích của giai cấp thống trị trong xã hội. Tuy nhiên, nếu sử dụng theo nghĩa rộng này, thì ngôn ngữ tiếng Việt nên gọi là: “*Kiểm soát của xã hội đối với tội phạm*” mới chính xác.

Do đó, khái niệm kiểm soát xã hội đối với tội phạm là *biện pháp làm giảm bớt tội phạm bởi Nhà nước (mà đại diện là các cơ quan chuyên trách kiểm soát tội phạm) bằng biện pháp, cơ chế pháp lý do luật định, cũng như các giá trị, chuẩn mực, cam kết, định mức,*

niềm tin trong các tổ chức, liên kết, quan hệ xã hội đó. Nói một cách khác, kiểm soát xã hội đối với tội phạm chính là kiểm soát của toàn xã hội, của tất cả các lực lượng trong xã hội đối với đối tượng được kiểm soát ở đây là tội phạm.

b) Còn theo *nghĩa hẹp*, đã là kiểm soát xã hội thì kiểm soát xã hội đối với tội phạm là *biện pháp làm giảm bớt tội phạm thông qua các tổ chức, liên kết, quan hệ xã hội và bằng những giá trị, chuẩn mực, cam kết, định mức, niềm tin trong các tổ chức, liên kết, quan hệ xã hội đó.* Nói một cách khác, đây chỉ là hình thức kiểm soát thông qua các tổ chức, quan hệ xã hội và bằng các giá trị xã hội và được thực hiện tự phát do sự vận động bên trong chính các tổ chức, quan hệ xã hội đó (không có kiểm soát Nhà nước đối với tội phạm, vì đó là chức năng, nhiệm vụ đương nhiên và không thể thiếu được, vì các chủ thể tiến hành trong các cơ quan đó được Nhà nước trả lương để làm việc).

Đặc biệt, từ các nghiên cứu và phương hướng hành động nhằm kiểm soát tội phạm trước đây thường tập trung vào hình thức kiểm soát Nhà nước bởi chức năng kiểm soát tội phạm là nghĩa vụ pháp lý của các chủ thể trong hình thức kiểm soát này. Các cơ quan tư pháp, lực lượng vũ trang, các cơ quan Thanh tra, Quản lý với mục đích hoạt động là kiểm soát tội phạm được trang bị nhân lực, phương tiện, công cụ pháp lý cũng như vật chất, được đào tạo nghiệp vụ, chuyên môn, kỹ năng... có quyền sử dụng sức mạnh bạo lực để kiểm soát tội phạm. Sức mạnh và tính chất chuyên nghiệp đó của các lực lượng kiểm soát tội phạm chính thức đã khiến sự nhìn nhận về vai trò của kiểm soát xã hội đối với tội phạm không được rõ ràng mặc dù nó vẫn luôn diễn ra đồng thời và đồng hành với hoạt động kiểm soát Nhà nước.

Tuy nhiên, những đóng góp âm thầm của các tổ chức, thiết chế xã hội trong kiểm soát tội phạm đang dần được khẳng định trong xu thế xã hội hóa các chức năng của Nhà nước, cùng với Nhà nước giải quyết các vấn đề của xã hội, nhất là xã hội có dân trí và sự phát triển ở trình độ cao, đặc biệt là trong tương lai khi xây dựng xã hội dân sự.

2. Chủ thể và phương tiện kiểm soát xã hội đối với tội phạm

2.1. Khái niệm

Nói chung, về bản chất, lý thuyết kiểm soát xã hội đối với tội phạm gợi mở về sự tham gia của một hệ thống đa dạng chủ thể, phương tiện và phương thức vào hoạt động kiểm soát tội phạm. Việc phân tích, làm rõ hệ thống này là không thể bỏ qua nếu muốn có được nhận thức đầy đủ, chính xác về mô hình kiểm soát xã hội đối với tội phạm, qua đó còn cho phép nhận diện, dự đoán những ưu thế và hạn chế để có giải pháp phù hợp khi thúc đẩy và nhân rộng mô hình kiểm soát xã hội đối với tội phạm trong thực tiễn mỗi quốc gia.

“*Chủ thể*”, theo Đại Từ điển Tiếng Việt có nghĩa là: “*Đối tượng gây ra hành động (trong quan hệ đối lập với đối tượng bị hành động tác động là khách thể)*” [4]. Do đó, dưới góc độ chuyên ngành, *chủ thể kiểm soát xã hội đối với tội phạm chính là đối tượng (hay lực lượng) tiến hành các hoạt động kiểm soát tội phạm.*

Trong khi đó, “*phương tiện*” được định nghĩa là: “*Cái dùng để tiến hành công việc gì*”[4], cũng có thể gọi cách khác là công cụ - “*cái dùng để nhằm thực hiện, nhằm đạt mục đích nào đó*” [4]. Tương tự, bằng cách hiểu này, *phương tiện kiểm soát đối với tội phạm chính là những cái mà các chủ thể sử dụng để tiến hành hoạt động kiểm soát tội phạm.*

Trên cơ sở đó, lý thuyết về kiểm soát xã hội đối với tội phạm đã chỉ ra nhiều phương tiện và chủ thể kiểm soát xã hội khác nhau.

2.2. Hệ thống chủ thể và các phương tiện kiểm soát xã hội

Chủ thể và phương tiện kiểm soát xã hội nói chung, kiểm soát xã hội đối với tội phạm có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, do đó, trong các tài liệu nghiên cứu thường có sự thể hiện chung hai nội dung này.

Nhà xã hội học người Mỹ nổi tiếng là Edward Alsworth Ross, trong một nghiên cứu từ đầu thế kỷ XX đã chỉ ra các phương tiện kiểm soát xã hội bao gồm:

- a) Dư luận;
- b) Pháp luật;
- c) Niềm tin;
- d) Sự giáo dục;
- đ) Tập quán;
- e) Tôn giáo xã hội;
- f) Lý tưởng cá nhân;
- g) Nghi lễ;
- h) Nghệ thuật;
- i) Nhân cách;
- j) Sự giác ngộ;
- k) Áo tưởng;
- l) Những đánh giá của xã hội và;
- m) Các yếu tố đạo đức [6].

Chẳng hạn, thông qua phương tiện là dư luận sẽ biểu thị sự đánh giá, phán xét của mọi người đối với các vấn đề mà toàn thể xã hội quan tâm, tạo ra áp lực đối với các cá nhân (nhóm cá nhân) có những hành vi, cư xử, hành động đi ngược lại những giá trị, chuẩn mực chung được mọi người thừa nhận hoặc thông qua phương tiện giáo dục sẽ giúp cho mọi

người sẽ được hướng dẫn, điều dắt và dạy cách suy nghĩ, cư xử cho có lý, có tình, đúng pháp luật và phù hợp với các giá trị, chuẩn mực chung của xã hội; v.v...

Trên cơ sở này, có thể suy luận ra được các chủ thể kiểm soát xã hội là đối tượng mà sở hữu những phương tiện đó, cụ thể là:

a) *Cộng đồng dân cư* (sở hữu phương tiện: dư luận, tập quán, nghệ thuật, các đánh giá xã hội);

b) *Tổ chức chính trị* (trong đó có Nhà nước, sở hữu phương tiện: pháp luật);

c) *Tổ chức tôn giáo* (sở hữu phương tiện: niềm tin, nghi lễ, sự giác ngộ);

d) *Tổ chức giáo dục* (sở hữu phương tiện: sự giáo dục);

đ) *Cá nhân* (sở hữu phương tiện: niềm tin, sự giác ngộ, nhân cách, lý tưởng, ảo tưởng, đạo đức);

e) *Gia đình* (sở hữu phương tiện: sự giáo dục, các yếu tố đạo đức);

f) *Giai cấp* (sở hữu phương tiện: Sự đánh giá, các yếu tố đạo đức).

Bên cạnh đó, Frederick Elmore Lumley - một nhà xã hội học người Mỹ khác thì nhấn mạnh hiệu quả kiểm soát xã hội của các phương tiện trừu tượng (ông gọi là “*symbolic devices*”) hơn các lực lượng vật chất. Theo ông các phương tiện kiểm soát xã hội hiệu quả nhất là:

a) Phần thưởng;

b) Sự khen ngợi, sự tặng bốc;

c) Sự giáo dục, sự thuyết phục;

d) Tin đồn;

đ) Sự châm biếm, sự chỉ trích, sự tuyên truyền [7].

Như vậy, có thể thấy rằng chủ thể sở hữu những phương tiện này nhiều nhất là: cộng đồng dân cư, các nhóm xã hội, gia đình, tổ

chức giáo dục, bên cạnh đó cũng có thể là các tổ chức chính trị, xã hội, tôn giáo; v.v...

Gần đây, trong một nghiên cứu xã hội học hiện đại hơn, nhà xã hội học người Ấn Độ là Rajendra Kumar Sharma chỉ ra một tập hợp bao gồm các phương tiện lẫn chủ thể kiểm soát xã hội mà tác giả mô tả bằng thuật ngữ “*agencies of control*” (những phương tiện hay những cơ quan kiểm soát). Sharma thống nhất với Ross (nêu trên) về các phương tiện kiểm soát: dư luận, pháp luật, tôn giáo, nghệ thuật và sự giáo dục. Sharma gộp một số phương tiện mà Ross đã nêu vào khái niệm “*các quy tắc ứng xử cộng đồng*” (*communal codes*) bao gồm: tập quán, phong tục, tục lệ, đạo đức, nghi lễ. Ngoài ra, Sharma bổ sung thêm các yếu tố như: Gia đình, nhóm giải trí, sự lãnh đạo, những lý tưởng xã hội (như: tự do, bình đẳng, bác ái) và một. Giải thích cho cái nhìn mới mẻ của mình về những phương tiện như nhóm giải trí và một, Sharma cho rằng: việc tham gia các trò chơi dạy cho con người cách thức tuân thủ quy tắc, cách thức ứng xử, tương tác với những người cùng chơi, từ đó hình thành thói quen tuân thủ luật, ứng xử đúng đắn với những người xung quanh. Cũng như vậy, việc chạy theo một - nghĩa là khuynh hướng ăn mặc, trang điểm, trang trí nhà cửa, gu thẩm mỹ, sở thích giải trí, hưởng thụ nghệ thuật... sẽ tạo cho người ta thói quen hành xử theo cách mà số đông trong xã hội chấp nhận, điều đó có nghĩa là không đi ngược trật tự xã hội [8].

Từ tập hợp mà tác giả Rajendra Kumar Sharma đưa ra có thể suy luận rằng các chủ thể tiến hành hoạt động kiểm soát xã hội gồm: các cộng đồng dân cư, tổ chức chính trị, tổ chức xã hội, tổ chức tôn giáo, tổ chức giáo dục, gia cấp, gia đình, những nhà lãnh tụ.

Đặc biệt, Travis Hirschi - người khởi xướng lý thuyết kiểm soát xã hội trong Tội phạm học - không hướng tới các chủ thể hay

phương tiện kiểm soát cụ thể mà gộp chúng vào khái niệm “*ràng buộc xã hội*”. Ông cho rằng: nguyên nhân một người phạm tội chính là bởi sự ràng buộc xã hội đối với người đó suy yếu. Những ràng buộc xã hội cơ bản đối với cá nhân bao gồm:

- a) Sự gắn bó;
- b) Các cam kết;
- c) Sự hòa nhập và;
- d) Niềm tin.

Chẳng hạn, đối với thanh thiếu niên, Hirschi cho rằng sự gắn bó với cha mẹ, thầy cô giáo là mối ràng buộc quan trọng nhất trong việc ngăn cản hành vi phạm tội phát sinh nơi họ [9]. Lý thuyết của Travis Hirschi tạo ra hình dung về cơ chế kiểm soát của một mạng lưới những quan hệ xã hội khác nhau đối với mỗi cá nhân và mạng lưới đó luôn ràng kéo, chi phối, tác động đến hành vi, lối ứng xử của cá nhân, bảo đảm cho chúng cân bằng, chuẩn mực. Khi mạng lưới bị yếu kém, sa sút, đứt gãy ở một khâu nào đó sẽ khiến cho con người mất cân bằng, hành động lệch chuẩn, nghiêm trọng nhất là phạm tội. Nhân tố hợp lý của lý thuyết này được thấy bởi chính cuộc sống của mỗi con người bình thường. Tất cả mọi người bình thường trên thế giới đều sống trong sự đan xen của vô vàn mối quan hệ mà gắn gũi, gắn bó nhất là: gia đình, họ hàng, bè bạn, thầy cô, đồng nghiệp, hàng xóm, cộng đồng dân cư nơi cư trú và các cơ quan, tổ chức, nhóm xã hội... nơi họ là thành viên. Tham gia những quan hệ xã hội đó, con người hưởng tới rất nhiều lợi ích thiết yếu cho cuộc sống như: tình cảm, tri thức, địa vị, danh vọng, của cải, sự chia sẻ, giải trí, nhu cầu tâm linh; v.v... Và để giành được, duy trì, bảo vệ được các lợi ích này cho bản thân, họ cũng đồng thời phải chấp nhận những sự ràng buộc mà các mối quan hệ xã hội ấy đem đến như: chịu sự chi phối, quản lý, giám sát, phải tuân thủ những cam kết, quy tắc,

chuẩn mực chung. Nói cách khác, việc chấp nhận, tuân thủ những ràng buộc này là điều kiện để con người hưởng những lợi ích thiết yếu nói trên. Đây chính là cơ chế để ngăn chặn, kiểm soát những hành vi, ứng xử lệch chuẩn (mà tội phạm được bao gồm trong đó).

Như vậy, Lý thuyết “*ràng buộc xã hội*” của tác giả Travis Hirschi thừa nhận: tất cả các lực lượng xã hội có liên quan, gắn bó, chi phối đối với đời sống cá nhân đều là chủ thể kiểm soát tội phạm. Các lực lượng xã hội này ngăn chặn việc con người phạm tội bằng công cụ là sự ràng buộc mà nó tạo ra đối với chính con người ấy. Gắn gũi với quan điểm của Hirschi, Giáo sư R.B. Cialdini từ Đại học Bang Arizona - Mỹ cho rằng những giá trị xã hội như: niềm tin, tình cảm gia đình, bạn bè có khả năng kiểm soát hành vi của con người hiệu quả hơn cả những cơ quan công quyền có chức năng quản lý xã hội...[10].

Tựu chung lại, trong các nghiên cứu về kiểm soát xã hội đối với những hành vi lệch chuẩn và tội phạm mặc dù tồn tại những cách nhìn nhận khác nhau về các loại chủ thể và phương tiện kiểm soát cụ thể nhưng nhìn chung các nhà khoa học đều thống nhất cho rằng: *chủ thể kiểm soát là các lực lượng xã hội và phương tiện kiểm soát là những quy tắc, giá trị, chuẩn mực, cam kết, ràng buộc xã hội...* Nhìn nhận như vậy cho thấy chủ thể và phương tiện kiểm soát trong mô hình kiểm soát xã hội đối với tội phạm rất đa dạng. Do đó, chúng tôi tiếp cận bằng cách phân loại các chủ thể, phương tiện kiểm soát trong mô hình kiểm soát xã hội đối với tội phạm theo nghĩa hẹp đã nêu trên.

2.3. Hệ thống chủ thể và các phương tiện kiểm soát xã hội đối với tội phạm

Từ những nghiên cứu về chủ thể và phương tiện kiểm soát xã hội chung đã nêu, chúng tôi chỉ ra chủ thể và phương tiện kiểm

soát xã hội đối với tội phạm như sau:

a) *Chủ thể kiểm soát*: Bởi vì chủ thể kiểm soát là các lực lượng xã hội nên dựa vào cơ cấu, vị thế xã hội của các lực lượng ấy, có thể phân chia chủ thể thành *ba* loại:

- Loại *thứ nhất* - các tổ chức, thiết chế, nhóm xã hội như: tổ chức chính trị, xã hội, tổ chức tôn giáo, tổ chức giáo dục, gia đình, cộng đồng dân cư, các hội/ nhóm (tập hợp dưới lợi ích chung nào đó, phổ biến như sở thích, giải trí hoặc kỷ niệm); v.v... Các tổ chức, thiết chế, nhóm xã hội này thực hiện vai trò kiểm soát hành vi của thành viên thông qua việc áp đặt lên thành viên những quy tắc ứng xử nhất định, theo dõi, giám sát, kiểm tra thành viên. Ngay cả việc cảnh giác, bảo vệ và chủ động đề mỗi thành viên tránh khỏi sự xâm phạm của tội phạm, của tệ nạn xã hội cũng là một cách kiểm soát tội phạm.

Ví dụ: Mô hình dòng họ phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, giữ gìn, bảo vệ an ninh trật tự ngay tại cơ sở là dòng họ Ngô ở xã Hưng Xá, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An với phương châm “*Tự phòng, tự quản, tự bảo vệ, tự hòa giải*”; v.v...

- Loại *thứ hai* - các cá nhân có mối quan hệ tác động, chi phối với đối tượng kiểm soát như: người thân (đặc biệt là cha mẹ), bạn bè, đồng nghiệp, thầy cô, hàng xóm, thần tượng, các nhà lãnh đạo (chính trị, xã hội hoặc tôn giáo). Những chủ thể này tác động mạnh mẽ lên đối tượng kiểm soát thông qua giáo dục, quản lý, giám sát, tuyên truyền, định hướng, nêu gương tốt; v.v...

- Loại *thứ ba* - bản thân mỗi cá nhân. Hành vi nói chung, trong đó có hành vi phạm tội, luôn được thực hiện bởi con người. Do đó, chủ thể có khả năng trực tiếp kiểm soát hành vi nhất chính là bản thân mỗi con người. Bằng nỗ lực tự kìm chế, mỗi người đều có thể giữ gìn,

tự răn đe hành vi của mình không vượt ra khỏi những chuẩn mực xã hội, bao gồm pháp luật.

b) *Phương tiện kiểm soát*: Trên cơ sở chủ thể kiểm soát, có thể chỉ ra các phương tiện kiểm soát sau:

- *Phương tiện thứ nhất* - các quy tắc, chuẩn mực xã hội như: phong tục, tập quán, truyền thống, đạo đức, quy chế của tổ chức, tín điều tôn giáo, nghi lễ. Những quy tắc này có thể tồn tại thành văn hay bất thành văn; có thể không thống nhất ở những phạm vi không gian, thời gian khác nhau; có tác động không đồng đều lên các cá nhân nhưng chúng luôn có giá trị định hướng và đồng thời là tiêu chuẩn đánh giá hành vi của con người.

- *Phương tiện thứ hai* - các ràng buộc xã hội đối với con người như: tình cảm, niềm tin, sự lệ thuộc, dư luận... Nói một cách đơn giản về vai trò của các phương tiện này là: nếu không có sự ràng buộc thì không có lý do gì để cá nhân phải tuân thủ mọi sự kiểm soát. Chẳng hạn như không phải vì yếu tố tình cảm và sự lệ thuộc thì con cái cũng không chịu sự quản lý, giám sát của cha mẹ; tín đồ không có niềm tin thì sẽ không tuân thủ giáo lý, nghi lễ tôn giáo; người bất chấp dư luận thì sẵn sàng làm những điều lệch lạc, khác người, linh tinh; v.v...

- *Phương tiện thứ ba* - các lợi ích cơ bản, bình thường của cuộc sống như: sự bình yên, danh dự, địa vị, của cải... Những lợi ích này là thiết yếu đối với con người mà chúng lại có nguy cơ tổn thất nếu con người có hành vi lệch lạc như phạm tội. Bởi vậy, chúng có thể được xem như những phần thưởng để dụ, dỗ con người giữ mình trong chuẩn mực, răn đe, cảnh tỉnh để không rơi vào “vòng xoáy tố tụng”.

- *Phương tiện thứ tư* - các giá trị xã hội như: văn hóa, nghệ thuật, lý tưởng. Những giá

trị này có tác động cảm hóa, uốn nắn, động viên con người hướng tới lối sống tốt đẹp.

- *Phương tiện thứ năm* - những yếu tố chủ quan bên trong con người như: nhân cách, tình cảm, ý thức, khả năng giác ngộ, tiếp thu, lý tưởng cá nhân... Những yếu tố này trực tiếp điều khiển hành vi của con người. Mức độ tác động của tất cả các phương tiện kiểm soát khác đối với hành vi của con người cũng phụ thuộc vào chính những yếu tố chủ quan nêu trên. Chẳng hạn như hiệu quả của sự tuyên truyền, giáo dục nhất định phụ thuộc vào khả năng nhận thức, tiếp thu của đối tượng được tuyên truyền, giáo dục hoặc mức độ tuân thủ các quy tắc ứng xử trong xã hội được quyết định phần lớn bởi ý thức cá nhân.

- *Phương tiện thứ sáu* - những công cụ vật chất hỗ trợ hoạt động kiểm soát như: phương tiện thông tin, tuyên truyền; công cụ nghe, nhìn, giám sát... Mặc dù để hỗ trợ kiểm soát nhưng những phương tiện này cũng rất quan trọng bởi vì trong xã hội hiện đại chúng được sử dụng ngày một phổ biến để tuyên truyền các chuẩn mực, giá trị cũng như để quản lý, giám sát hành vi của con người.

3. Phương thức kiểm soát xã hội đối với tội phạm

3.1. Khái niệm

“*Phương thức*”, theo Đại Từ điển Tiếng Việt định nghĩa là: “phương pháp và hình thức tiến hành hoạt động” [4]. Như vậy, phương thức kiểm soát chính là cách hay kiểu (hình thức) thực hiện hoạt động kiểm soát.

Do đó, dưới góc độ chuyên ngành, *phương thức kiểm soát xã hội đối với tội phạm là những kiểu (hình thức) mà các lực lượng xã*

hội tác động lên đối tượng kiểm soát nhằm ngăn chặn, giảm bớt tội phạm trong xã hội.

3.2. Phân loại và nội dung các phương thức kiểm soát xã hội đối với tội phạm

Phương thức kiểm soát xã hội là một vấn đề được quan tâm khá nhiều trong cả xã hội học nói chung và Xã hội học pháp luật nói riêng. Với những cách tiếp cận, tiêu chí khác nhau, các nhà khoa học trên thế giới đã đưa ra khá nhiều quan điểm khác nhau về vấn đề này.

Vào đầu thế kỷ 20, sử dụng tiêu chí là loại (dạng) phương tiện kiểm soát, TS. Edward Cary Hayes - giảng viên Đại học Illinois, đã chia các phương thức kiểm soát vào hai loại: Kiểm soát bằng chế tài và kiểm soát bằng giáo dục, xã hội hóa.

a) *Kiểm soát bằng chế tài*: phương thức kiểm soát sử dụng một hệ thống các biện pháp thưởng phạt. Phần thưởng được trao cho người tuân thủ quy định và hình phạt áp dụng đối với người vi phạm.

b) *Kiểm soát bằng giáo dục và xã hội hóa*: chủ yếu thực hiện bằng cách khuyên nhủ, khuyến khích, nêu gương tốt [11]. Trong các phương thức này, theo TS. Hayes giáo dục là phương thức quan trọng và hiệu quả nhất.

Sử dụng tiêu chí là mức độ gần gũi trong quan hệ của chủ thể với đối tượng kiểm soát, nhà xã hội học gốc người Đức là Karl Mannheim lại phân chia phương thức kiểm soát xã hội thành hai kiểu - kiểm soát trực tiếp và kiểm soát gián tiếp như sau:

a) *Kiểm soát trực tiếp*: Phương thức kiểm soát thực thi đối với cá nhân bởi phản ứng của những người gần gũi với họ trong cuộc sống. Cá nhân thực sự chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi quan điểm, ý kiến của những người xung quanh như: cha mẹ, hàng xóm, bạn bè, đồng nghiệp. Ứng xử của anh ta phần lớn bị định

đoạt hoặc điều khiển bởi sự chỉ trích, gièm pha, tán tụng, khuyến khích, khuyến bảo... của những người đó.

b) *Kiểm soát gián tiếp*: loại hình kiểm soát được thực hiện với cá nhân bởi các yếu tố tách biệt khỏi mình. Các phương tiện chủ yếu của phương thức này là: truyền thống, thể chế, tập quán, tín ngưỡng, sự thay đổi về địa vị, cơ cấu xã hội...[12]. Sở dĩ tác giả đánh giá phương thức này là gián tiếp vì những phương tiện kiểm soát ở đây tác động đến toàn bộ xã hội chứ không riêng đến bất kỳ cá nhân nào, tác động của chúng tinh vi và chính người bị tác động cũng không thể nhận thấy trực tiếp.

Sử dụng những tiêu chí khác, Giáo sư xã hội học, sử học và ngôn ngữ học Luther Lee Bernard đưa ra hai cách phân loại về phương thức kiểm soát xã hội khác nhau. Trên cơ sở sự nhận thức của đối tượng kiểm soát, ông chia ra hai phương thức: kiểm soát có ý thức và kiểm soát vô thức.

a) *Kiểm soát có ý thức*: kiểu kiểm soát mà đối tượng bị kiểm soát nhận thấy sự kiểm soát một cách rõ ràng. Những phương tiện kiểm soát của nó thường được phát triển và áp dụng bởi các lực lượng lãnh đạo xã hội, ví dụ như: luật lệ, quy chế tổ chức, giáo quy, tín điều tôn giáo.

b) *Kiểm soát vô thức*: phương thức trong đó đối tượng kiểm soát tuân thủ sự kiểm soát một cách vô thức mà hầu như không chú ý hay nhận ra sự tồn tại của nó, ví dụ người ta thường hành động theo phong tục, tập quán hay truyền thống như là thói quen tự nhiên.

Như vậy, theo tác giả Luther Lee Bernard thì kiểm soát có ý thức hiệu quả hơn vô thức mặc dù ảnh hưởng của kiểm soát vô thức cũng khá rõ rệt. Trên cơ sở chiều hướng tác động của hoạt động kiểm soát đối với đối tượng kiểm soát, tác giả Luther Lee Bernard phân biệt hai phương thức: kiểm soát xây dựng và kiểm

soát phá hủy: Kiểm soát phá hủy bao gồm những cách như: trừng phạt, đe dọa, trả thù, quản thúc, đàn áp. Còn kiểm soát xây dựng được tiến hành bằng những hoạt động như: giáo dục, cải cách xã hội, quản lý không cưỡng bức...[13].

Ngoài ra, cũng dựa trên tiêu chí chiều hướng tác động của hoạt động kiểm soát đối với đối tượng kiểm soát, tác giả Kimball Young - Chủ tịch thứ 35 của Hiệp hội xã hội học Mỹ (1945) - chia phương thức kiểm soát xã hội thành hai kiểu: kiểm soát tích cực và kiểm soát tiêu cực:

a) *Kiểm soát xã hội tích cực*: Phương thức này dựa trên sự khao khát của phần lớn mọi người trong xã hội là mong được xã hội khen thưởng, ưu đãi. Với mong muốn đó, mọi người phải nỗ lực thích nghi với truyền thống, tục lệ, giá trị, lý tưởng... mà xã hội đã thừa nhận. Nhờ đó cá nhân sẽ nhận được những phần thưởng như danh vọng, sự tôn trọng, công nhận; v.v... Như vậy, có nghĩa bản chất của phương thức kiểm soát tích cực là việc dùng những lợi ích có ý nghĩa quan trọng đối với con người để khuyến khích, thúc đẩy họ hành xử chuẩn mực.

b) *Kiểm soát xã hội tiêu cực*: Ngược với chiều hướng khuyến khích, thúc đẩy của phương thức kiểm soát tích cực, ở phương thức tiêu cực chiều hướng tác động là đe dọa, trừng phạt. Sự trừng phạt được đặt ra để đe dọa con người, ngăn cản họ có những hành vi sai trái. Xã hội trong khi khuyến khích con người theo đuổi những kiểu hành vi có triển vọng được khen thưởng cũng đồng thời can ngăn, cản trở họ làm những việc có nguy cơ bị trừng phạt. Hình thức trừng phạt rất đa dạng, có thể nhẹ nhàng hay nghiêm khắc, có thể là về mặt vật chất hoặc chỉ là ngôn từ. Ví dụ sự trừng phạt bằng ngôn từ như: phỉ báng, chỉ trích, chê bai; sự trừng phạt vật chất như lấy đi địa vị, đấng

cấp. Nỗi sợ hãi bị trừng phạt ngăn cản người ta vi phạm những truyền thống, tục lệ, giá trị, lý tưởng... đã được xã hội thừa nhận [14].

Xuất phát từ một tiêu chí khác, GS. Donald Black - người đã giảng dạy qua các trường đại học danh giá nhất tại Mỹ - trong tác phẩm nổi tiếng "*The behavior of law*" của mình, đã chỉ ra bốn phương thức kiểm soát xã hội mà được rất nhiều nhà khoa học sau này tham khảo là:

- a) Trừng phạt;
- b) Bồi thường;
- c) Điều trị;
- d) Hòa giải [15].

Các phương thức này được phân chia dựa trên cách nhìn nhận, thái độ đối xử đối với vi phạm pháp luật. Khi áp dụng phương thức trừng phạt tức là hành vi bị coi là nghiêm trọng, không thể tha thứ. Khi áp dụng phương thức bồi thường thì có nghĩa là việc khắc phục hậu quả của vi phạm đó mới là vấn đề được coi trọng nhất. Trong phương pháp điều trị, người vi phạm cũng được coi như một loại bệnh nhân, sự lệch lạc khỏi những chuẩn mực xã hội của họ được xem như căn bệnh cần chữa trị. Phương pháp hòa giải thì chú trọng tới nguyên nhân của vi phạm, hướng tới việc giải quyết hài hòa các quan hệ xã hội để triệt tiêu mâu thuẫn, xung đột - nguyên nhân của đa số vi phạm pháp luật.

Nhìn chung, tất cả các quan điểm về phương thức kiểm soát xã hội nêu trên tuy có khác nhau nhưng không phải là mâu thuẫn bởi vì chúng xuất phát từ những tiêu chí xác định khác nhau. Sự đa dạng đó chỉ góp phần làm rõ hơn về những phương diện khác nhau của các phương thức kiểm soát xã hội. Tuy nhiên, chúng tôi bổ sung thêm hai cách phân loại mới về các phương thức kiểm soát xã hội đối với tội phạm như sau:

a) *Lấy mục tiêu kiểm soát làm tiêu chí phân loại*, chúng tôi cho rằng có hai phương thức là: Kiểm soát hành vi phạm tội và kiểm soát tư tưởng phạm tội.

- *Kiểm soát hành vi phạm tội*: Phương thức hướng tới mục tiêu phòng ngừa, phát giác, ngăn chặn hành vi phạm tội xảy ra hay hạn chế hậu quả thực tế của nó. Mục tiêu sẽ đạt được bằng các cách hành động như: quản lý, giám sát, theo dõi, cảnh giác, đề phòng... Cụ thể, chẳng hạn việc gia đình, cơ quan, tổ chức quản lý, giám sát tốt các thành viên của mình sẽ hạn chế cơ hội phát sinh hành vi phạm tội. Trong cộng đồng dân cư có sự cộng tác thực hiện những biện pháp theo dõi, cảnh giác; mỗi gia đình, cá nhân đều chú trọng các phương tiện đề phòng, cảnh báo tội phạm... thì chắc chắn tội phạm sẽ dễ bị phát hiện, ngăn chặn hoặc hạn chế hậu quả nếu xảy ra.

- *Kiểm soát tư tưởng phạm tội*: Phương pháp mà hiệu quả khó thấy bằng trực quan hay số liệu thống kê nhưng thực tế hiệu quả nó mang lại rất to lớn. Mục tiêu của phương thức này là khiến cho những tư tưởng tiêu cực, mong muốn phạm tội không phát sinh trong xã hội. Nó có thể được thực hiện bằng tuyên truyền, giáo dục, phổ biến để những chuẩn mực, giá trị, lý tưởng tốt đẹp của nhân loại được chuyển hóa sâu sắc vào tư tưởng cá nhân khiến những suy nghĩ xấu xa, lệch lạc không có cơ hội nảy nở. Cũng có thể bằng cách đe dọa trừng phạt, trừng phạt (chỉ trích, xa lánh, miệt thị, khai trừ, tước đoạt lợi ích...) làm cá nhân sợ hãi mà không dám phát sinh ý đồ phạm tội. Hoặc cách mang đến hiệu quả triệt để hơn là giải quyết các mâu thuẫn, bất công, những vấn nạn xã hội - nguồn gốc phát sinh rất nhiều loại tội phạm. Cách thức này đòi hỏi sự phối hợp hài hòa giữa hoạt động của các loại tổ chức chính trị, xã hội, kinh tế với chính sách xã hội phù hợp của Nhà nước. Hai phương

thức kiểm soát hành vi và kiểm soát tư tưởng trong thực tế luôn song hành và chịu sự chi phối lẫn nhau. Sự kiểm soát chặt chẽ về mặt hành vi là một cơ chế ngăn chặn tư tưởng phạm tội không phát sinh. Ngược lại, không có tư tưởng phạm tội dẫn đến không xảy ra hành vi phạm tội.

b) *Dựa vào tiêu chí phạm vi kiểm soát* có ba phương thức: kiểm soát chung, kiểm soát nội bộ và tự kiểm soát.

- *Kiểm soát chung*: Biện pháp kiểm soát được thực hiện thông qua những giá trị, chuẩn mực có tác động chung đối với xã hội như văn hóa, phong tục, tập quán, đạo đức, lý tưởng xã hội... Mọi người chung sống trong một cộng đồng sẽ đều chịu chung sự kiểm soát này mặc dù mức độ tác động của chúng lên mỗi người có thể khác nhau.

- *Kiểm soát nội bộ*: Biện pháp kiểm soát có hiệu lực trong phạm vi nội bộ tổ chức hoặc trong một mối liên hệ nhất định. Ví dụ như sự kiểm soát bởi quy chế, điều lệ của tổ chức, tín điều tôn giáo; sự kiểm soát giữa thành viên gia đình, dòng họ, bạn bè, thầy trò; v.v...

- *Tự kiểm soát*: Phương thức kiểm soát đặc biệt, nó diễn ra bên trong mỗi cá nhân. Tất cả những biện pháp kiểm soát từ bên ngoài có hiệu quả hay không phụ thuộc rất nhiều vào mức độ tự kiểm soát của cá nhân. Tự kiểm soát được thực hiện nhờ những yếu tố thuộc về riêng cá nhân như nhân cách, trí tuệ, phẩm chất đạo đức, bản lĩnh, ý thức. Những yếu tố này quyết định khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của cá nhân. Sự tích cực của những yếu tố đó giúp cho hành vi của cá nhân được kìm chế trong chuẩn mực và ngược lại là lệch lạc, phạm tội.

Tóm lại, bước đầu nghiên cứu về những vấn đề lý luận cơ bản về chủ thể, phương thức và phương tiện kiểm soát xã hội đối với tội

phạm có ý nghĩa chính trị, xã hội, pháp lý và quốc tế xã hội quan trọng, qua đó nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa tội phạm. Do đó, việc tiếp tục nghiên cứu những vấn đề lý luận khác trong kiểm soát xã hội đối với tội phạm, cũng như đánh giá, tổng kết kinh nghiệm các nước và của Việt Nam trong thời gian qua vẫn luôn có tính thời sự cấp bách. Những nỗ lực đó được thực hiện không những bởi Nhà nước, Chính phủ và các cộng đồng xã hội, dân cư, mà còn là trách nhiệm của các nhà lập pháp, các cán bộ hoạt động thực tiễn, cũng như của các nhà xã hội học, luật gia và những nhà Tội phạm học đương đại của Việt Nam và thế giới.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Xuân Yêm, Tội phạm học hiện đại và phòng ngừa tội phạm, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2001, tr.212.
- [2] USSC, Phương pháp tiếp cận cơ bản, trong “Hướng dẫn sử dụng án lệ Liên bang”, 2009 [Http://www.ussc.gov/Guidelines/2009_guidelines](http://www.ussc.gov/Guidelines/2009_guidelines)
- [3] Lê Thị Sơn, Về khái niệm kiểm soát xã hội và kiểm soát tội phạm, Tạp chí Luật học, số 8/2012, tr.45.
- [4] Nguyễn Như Ý (chủ biên), Đại Từ điển Tiếng Việt, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2010, tr.842.
- [5] Jensen and Gary F, Social Control Theories in “Encyclopedia of Criminology”, Richard A. Wright (Editor), Fitzroy Dearborn Publishers - UK, 2005, p.35.
- [6] Ross and Edward Alsworth, Social control: A survey of the foundations of order, published May, 1901 by The Macmillan company, USA (Part II “The means of control”), p.89-375.
- [7] Frederick Elmore Lumley, Means of social control, published in 1925 by The Century, New York, USA, p.33.
- [8] Rajendra Kumar Sharma, Social change and social control, published in 1997 by Atlantic publisher and distributor LTD, New Delhi, India, p.222-227.
- [9] Travis Hirschi, Causes of Delinquency, Copyright 1969 by The Regents of the University of California, p.251-257.
- [10] Robert B Cialdini, Descriptive social norms as underappreciated source of social control, Psychometrika (the official journal of the Psychometric Society), Vol. 72, No.2, June 2007, p.263-268.
- [11] Edward Cary Hayes, Introduction to the study of sociology, published by D.Appleton and company, 1915, p.581-690.
- [12] Karl Mannheim, Social controls and the degenerations of democracy, published in April, 1992 by The Foundation for Classical Reprints, USA, p.33.
- [13] Luther Lee Bernard, Social control in its sociological aspect, published in December, 1939 by The Macmillan Company, p.23.
- [14] Kimball Young, Social psychology: An analysis of social behavior, 1930, Alfred A.Knopf Publisher, New York, p.632-674.
- [15] Donald Black, The behavior of law, special edition 2010, published by Emerald Group Publishing Limited, UK, p.4-6 (First edition 1976).

Social Control of Crime: Subjects, Means and Methods

Trịnh Tiến Việt

VNU School of Law, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hanoi, Vietnam

Abstract: Social control of crime is a new and complex issue of criminology in Vietnam. Social control of crime is also an effective measure of crime prevention. The research focuses on clarifying subjects, methods and means of social control of crime on the basis of social control theory of crime.

Keywords: Social control of crime; Control subjects; Control methods; Control means.